

QUYẾT ĐỊNH
về việc công nhận kết quả trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ
chuyên ngành Quan hệ quốc tế đợt 2 năm 2020

CHỦ TỊCH HĐQTS ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Căn cứ Quyết định số 07/2019/QĐ-TTg, ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Ngoại giao trực thuộc Bộ Ngoại giao;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 123/QĐ-HVNG ngày 12/03/2020 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện Ngoại giao;

Căn cứ Quyết định số 307/QĐ-HVNG ngày 08/06/2020 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2020;

Căn cứ kết quả tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Quan hệ quốc tế đợt 2 năm 2020 của Chủ tịch HĐQTS ký ngày 02 tháng 10 năm 2020;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xác định điểm chuẩn trúng tuyển trong kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế đợt 2 năm 2020 là: 10.5.

Điều 2. Công nhận các thí sinh trong danh sách kèm theo trúng tuyển trong kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế đợt 2 năm 2020.

Điều 3. Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan và các thí sinh trong danh sách kèm theo có trách nhiệm thi hành quyết định này từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Bộ Ngoại giao (đề b/c);
- Bộ GD&ĐT (đề b/c);
- Như điều 3;
- Lưu: VP, SĐH.



CHỦ TỊCH HĐQTS

Phạm Lan Dung
TS. Phạm Lan Dung

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
KỶ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH QHQT ĐỢT 2 NĂM 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định: 1001/QĐ/HVNG ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch HĐTS)

STT	Họ và tên	Khối Thi	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI				Ghi chú
						Cơ bản (Triết học)	Cơ sở (CTQT)	Tổng CB+CS	Kết quả NN	
1	Chu Thị Quỳnh Anh	D1	Nữ	11/09/1996	QHQT.D1-001	5.0	7.0	12.0	Đạt	
2	Đình Tuấn Anh	D1	Nam	28/01/1981	QHQT.D1-002	7.5	7.0	14.5	Ielts 6.5	
3	Hoàng Lan Anh	D1	Nữ	08/06/1988	QHQT.D1-003	6.0	6.0	12.0	Đạt	
4	Lê Đức Anh	D1	Nam	12/6/1997	QHQT.D1-004	8.0	8.0	16.0	Đạt	
5	Lê Phương Anh	D1	Nữ	20/11/1997	QHQT.D1-005	6.5	6.5	13.0	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	
6	Nguyễn Đức Anh	D1	Nam	29/11/1975	QHQT.D1-006	7.5	6.0	13.5	Đạt	
7	Nguyễn Ngọc Anh	D1	Nữ	05/10/1985	QHQT.D1-007	6.5	7.5	14.0	Đạt	
8	Nhữ Diệu Bình	D3	Nữ	23/04/1994	QHQT.D3-008	6.5	6.0	12.5	Cử nhân Ngôn ngữ Pháp	
9	Trần Hoàng Dung	D1	Nữ	25/11/1998	QHQT.D1-009	7.0	5.5	12.5	Ielts 7.0	
10	Nguyễn Minh Dũng	D1	Nam	22/11/1995	QHQT.D1-010	7.0	5.0	12.0	Đạt	
11	Đình Thùy Dương	D3	Nữ	26/01/1990	QHQT.D3-011	5.0	6.5	11.5	Cử nhân Sư phạm Tiếng Pháp	
12	Dương Ngân Hà	D1	Nữ	17/07/1998	QHQT.D1-013	9.0	8.5	17.5	Ielts 7.0	
13	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	D1	Nữ	11/06/1998	QHQT.D1-014	8.5	8.0	16.5	Ielts 7.0	
14	Nguyễn Thị Hải Hiền	D1	Nữ	19/01/1973	QHQT.D1-015	8.0	6.5	14.5	Đạt	
15	Đỗ Thị Hồng	D1	Nữ	22/07/1995	QHQT.D1-016	8.0	7.0	15.0	Đạt	
16	Nguyễn Thành Hưng	D1	Nam	11/07/1976	QHQT.D1-017	6.0	6.5	12.5	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	



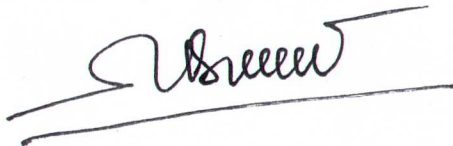
17	Nguyễn Trung Kiên	D1	Nam	21/04/1998	QHQT.D1-018	6.0	6.5	12.5	Đạt
18	Nguyễn Nhật Linh	D4	Nam	30/10/1995	QHQT.D4-019	6.5	6.0	12.5	Đại học Trung Sơn - Trung Quốc
19	Lưu Ngọc Thanh Long	D1	Nam	12/2/1981	QHQT.D1-020	6.0	5.0	11.0	Cử nhân Ngôn ngữ Anh
20	Nguyễn Đình Lương	D1	Nam	27/05/1996	QHQT.D1-021	5.5	6.5	12.0	Cử nhân Ngôn ngữ Anh
21	Hoàng Thị Nguyệt Minh	D1	Nữ	15/10/1997	QHQT.D1-022	7.5	8.0	15.5	Ielts 6.0
22	Nguyễn Đắc Hải Nam	D1	Nam	13/01/1997	QHQT.D1-023	7.0	8.0	15.0	Cử nhân Ngôn ngữ Anh
23	Phùng Thị Thu Nga	D1	Nữ	13/10/1983	QHQT.D1-025	9.0	8.0	17.0	Cử nhân Tiếng Anh KHKT&CN
24	Văn Thị Hoàng Ngân	D1	Nữ	5/12/1991	QHQT.D1-026	6.0	7.0	13.0	Cử nhân Ngôn ngữ Anh
25	Nguyễn Thị Bích Ngọc	D1	Nữ	28/01/1998	QHQT.D1-027	8.0	7.0	15.0	Ielts 7.0
26	Hứa Thị Ánh Ninh	D1	Nữ	15/01/1993	QHQT.D1-028	5.0	6.5	11.5	Đạt
27	Nguyễn Mai Phương	D1	Nữ	26/03/1994	QHQT.D1-029	7.5	5.5	13.0	Toeic 955
28	Trần Thị Hoài Phương	D1	Nữ	03/09/1993	QHQT.D1-030	6.0	7.0	13.0	Đạt
29	Nguyễn Ngọc Thạch	D3	Nam	13/12/1996	QHQT.D3-031	5.0	6.0	11.0	Đại học Paris Saclay - Pháp
30	Phạm Quyết Thắng	D1	Nam	02/09/1976	QHQT.D1-032	6.5	5.5	12.0	Đạt
31	Hoàng Lê Nhật Thành	D1	Nam	08/12/1994	QHQT.D1-034	7.0	7.0	14.0	Đạt
32	Nguyễn Thị Minh Thu	D1	Nữ	28/08/1970	QHQT.D1-035	7.5	6.5	14.0	Cử nhân Ngôn ngữ Anh
33	Đình Đức Toàn	D1	Nam	12/01/1984	QHQT.D1-036	7.0	6.0	13.0	Cử nhân Ngôn ngữ Anh
34	Vũ Công Tráng	D1	Nam	03/05/1994	QHQT.D1-037	8.0	6.5	14.5	Đạt
35	Nguyễn Lê Trọng Tuấn	D1	Nam	02/06/1986	QHQT.D1-038	5.5	5.0	10.5	Cử nhân Ngôn ngữ Anh
36	Đào Văn Tuấn	D1	Nam	19/05/1998	QHQT.D1-039	7.0	6.0	13.0	Ielts 6.5
37	Đàm Thanh Tùng	D1	Nam	22/11/1979	QHQT.D1-040	8.5	7.0	15.5	Đại học Masoryle - Séc
38	Trần Minh Tùng	D1	Nam	19/09/1994	QHQT.D1-041	7.5	5.0	12.5	Đại học Help - Anh
39	Trần Thị Yến	D1	Nữ	11/10/1987	QHQT.D1-042	8.0	7.5	15.5	Đạt



40	Nguyễn Đồng Anh	D1	Nam	27/11/1986	QHQT.D1-043	6.0	6.5	12.5	Raffles Design Institute - Singapore
----	-----------------	----	-----	------------	-------------	-----	-----	------	--------------------------------------

Danh sách gồm 40 người.

Người lập bảng



Đỗ Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày tháng năm 2020



CHỦ TỊCH HĐQT



TS. Phạm Lan Dung

